

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N,
THÀNH PHỐ C**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2022/HN-ST

Ngày: 13/5/2022

“Về tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ C

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sơn

2. Bà Đỗ Thị Lệ Hằng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thái Minh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố C.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2022/HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 “Về tranh chấp ly hôn”.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Loan T, sinh năm 1980. Xin vắng mặt

Nơi cư trú: 40 Mậu Thân, phường A, quận N, thành phố C.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1982. Xin vắng mặt

Nơi cư trú: 40 Mậu Thân, phường A, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/4/2022, chị Lê Thị Loan T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Ngọc T1 tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận N, thành phố C ngày 18/02/2008.

Sau đó, về chung sống với mẹ chồng tại số 40 Mậu Thân, phường A, quận N, thành phố C.

Năm 2012, vợ chồng sinh được 01 con chung và cuộc sống gia đình hạnh phúc.

Đến năm 2016, cuộc sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể dung hòa.

Vì cuộc hôn nhân không hạnh phúc, nên hai bên đã ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay. Nay:

Về hôn nhân, yêu cầu ly hôn với anh T1.

Về con chung, cháu Nguyễn M, sinh ngày 22/5/2012, yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung, không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25 tháng 4 năm 2022, anh Nguyễn Ngọc T1 trình bày:

Về hôn nhân, anh thống nhất ly hôn với chị Lê Thị Loan T.

Về con chung, cháu Nguyễn M, sinh ngày 22/5/2012, thống nhất theo ý kiến của con, giao con cho chị T nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh không phải cấp dưỡng.

Về tài sản, và nợ chung, không có

Tại phiên tòa: Các đương sự vắng mặt nên không có ý gì kiến thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố C nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền:* Bị đơn cư trú tại quận N, thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N, thành phố C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về tố tụng:* Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[3]. *Về hôn nhân:* Chị Lê Thị Loan T và anh Nguyễn Ngọc T1 tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận N, thành phố C vào ngày 18/02/2008. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và sinh được một con chung. Đến năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2016.

Nay chị T và anh T1 thống nhất ly hôn nhau trên cơ sở tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên công nhận.

[4]. *Về con chung*: cháu Nguyễn M (Nam), sinh ngày 22/5/2012 muốn sống với mẹ, khi cha mẹ ly hôn. Đây là ý nguyện của cháu Minh, phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; đồng thời anh T1 cũng thống nhất giao cháu Minh cho chị T nuôi dưỡng đến trưởng thành, nên công nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Anh T1 có quyền thăm nom, chăm sóc con không ai được quyền cản trở.

[5]. *Về tài sản và nợ chung*: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

[6]. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị T chịu 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (theo Biên lai thu số 0001936 ngày 18/4/2022) thành án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn, giữa chị Lê Thị Loan T và anh Nguyễn Ngọc T1.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn M (Nam), sinh ngày 22/5/2012 cho chị T nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T1 có quyền thăm nom, chăm sóc con không ai được quyền cản trở.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị T chịu 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (theo Biên lai thu số 0001936 ngày 18/4/2022) thành án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- TANDTP. C;
- UBND P. Cái Khế, quận N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Quân

